

ĐỀ XUẤT QUY TRÌNH THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC GIÁO DỤC THỂ CHẤT VÀ KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH TẠI ĐẠI HỌC HUẾ NHẪM ĐÁP ỨNG NHU CẦU NGƯỜI HỌC

PROPOSED PROCESS FOR EVALUATING THE PHYSICAL EDUCATION CURRICULUM AND EVALUATION RESULTS OF HUE UNIVERSITY TO MEET LEARNER NEEDS

Phạm Thị Mai*, Nguyễn Đăng Hào**, Đỗ Văn Tùng*, Nguyễn Thị Quỳnh Nga*

*ThS. **TS. Đại học Huế

Received: 27/10/2025; Accepted: 10/11/2025; Published: 18/11/2025

Tóm tắt: Nghiên cứu trình bày quy trình và kết quả thẩm định chương trình môn học Giáo dục Thể chất tại Đại học Huế nhằm nâng cao tính khoa học và tính thực tiễn. Trên cơ sở phân tích mục tiêu đào tạo và yêu cầu nghề nghiệp, nhóm nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí thẩm định gồm: sự phù hợp với chuẩn đầu ra, tính hiện đại nội dung, cân đối lý thuyết – thực hành, đáp ứng nhu cầu sinh viên và xu hướng GDTC hiện nay.

Quy trình thẩm định gồm bốn bước: rà soát chương trình, lấy ý kiến các bên liên quan, tổ chức hội đồng thẩm định và điều chỉnh hoàn thiện. Kết quả cho thấy đa số thành viên hội đồng đề nghị chỉnh sửa trước khi phê duyệt, tập trung vào nội dung thực hành, cập nhật kiến thức và tính liên thông học phần, góp phần nâng cao chất lượng chương trình GDTC.

Từ khóa: thẩm định chương trình, giáo dục thể chất, nhu cầu người học, quy trình thẩm định, Đại học Huế.

Abstract: This study presents the process and results of evaluating the Physical Education curriculum at Hue University to improve its scientific and practical relevance. Based on an analysis of training objectives and professional requirements, the research team developed a set of evaluation criteria including: alignment with learning outcomes, content modernity, balance between theory and practice, and responsiveness to student needs and current trends in physical education.

The evaluation process consists of four steps: program review, stakeholder consultation, evaluation council meeting, and final adjustments. The results show that the majority of council members recommended revisions before approval, focusing on practical content, updating knowledge, and ensuring continuity between modules, thereby contributing to improving the quality of the physical education program.

Keywords: curriculum evaluation; physical education; learner needs; evaluation process; Hue University.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục đại học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học, việc rà soát và thẩm định chương trình môn học giữ vai trò đặc biệt quan trọng nhằm bảo đảm tính khoa học, tính thực tiễn và khả năng đáp ứng yêu cầu đào tạo. Đối với lĩnh vực Giáo dục Thể chất (GDTC), chương trình môn học cần không chỉ cung cấp kiến thức và kỹ năng nền tảng mà còn phải phù hợp với xu hướng phát triển của khoa học thể thao, nhu cầu rèn luyện của sinh viên (SV) và đòi hỏi của xã hội về nguồn nhân lực trong lĩnh vực sức khỏe – thể chất.

Tại Đại học Huế, chương trình môn học GDTC đã được rà soát và điều chỉnh nhằm thích ứng với thực tiễn giảng dạy, yêu cầu chuẩn đầu ra và định hướng phát triển chương trình đào tạo theo tiếp cận năng lực. Tuy nhiên, để bảo đảm chương trình sau điều chỉnh thực sự đạt chất lượng và đáp ứng nhu cầu người học, việc xây dựng một quy trình thẩm định khoa học, minh bạch, đồng thời tiến hành đánh giá bởi hội đồng chuyên môn là yêu cầu cần thiết.

Thực tiễn cho thấy quá trình thẩm định hiện nay

tại các cơ sở giáo dục đại học còn thiếu sự thống nhất về tiêu chí đánh giá, thiếu minh chứng định lượng, và chưa có cơ chế phản hồi đa chiều từ giảng viên, SV, chuyên gia và nhà tuyển dụng. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng chương trình và mức độ phù hợp với yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực Giáo dục Thể chất trong bối cảnh mới.

Xuất phát từ thực tiễn đó, bài báo này tập trung vào hai nội dung chính: (1) đề xuất quy trình thẩm định chương trình môn học GDTC trên cơ sở tiếp cận khoa học, toàn diện và có hệ thống; (2) trình bày kết quả thẩm định chương trình GDTC tại Đại học Huế sau khi đã điều chỉnh, nhằm đánh giá mức độ phù hợp và khả năng đáp ứng nhu cầu người học. Kết quả nghiên cứu góp phần cung cấp minh chứng và gợi ý quan trọng cho công tác xây dựng – cải tiến chương trình GDTC tại các cơ sở giáo dục đại học trong giai đoạn hiện nay.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1.1 Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu:

Nghiên cứu tiến hành thu thập các tài liệu, công trình nghiên cứu và báo cáo trong và ngoài nước liên

quan đến giáo dục thể chất. Nội dung tài liệu được phân tích nhằm xác định các xu hướng, mô hình và phương pháp GDTC hiệu quả, từ đó tổng hợp và rút ra những luận cứ khoa học phục vụ đề xuất phát triển chương trình GDTC tại Đại học Huế.

2.1.2. Phương pháp phỏng vấn tọa đàm: Phỏng vấn được thực hiện với giảng viên, SV, chuyên gia và cán bộ quản lý GDTC thông qua bộ câu hỏi mở. Các buổi tọa đàm nhóm nhỏ được tổ chức để thu thập thông tin đa chiều. Dữ liệu phỏng vấn được mã hóa, phân loại và phân tích nhằm làm rõ các ý kiến và đề xuất thực tiễn.

2.1.3. Phương pháp quan sát sự phạm: Nghiên cứu tiến hành quan sát trực tiếp các giờ học GDTC để đánh giá phương pháp giảng dạy, mức độ tham gia của SV và điều kiện cơ sở vật chất. Các thông tin quan sát được ghi chép, hệ thống hóa và phân tích nhằm xác định ưu điểm và hạn chế của chương trình hiện hành.

2.1.4. Phương pháp toán học thống kê: Các kỹ thuật thống kê được sử dụng để phân tích dữ liệu định lượng thu thập từ khảo sát và phỏng vấn, với sự hỗ trợ của phần mềm thống kê nhằm đảm bảo tính chính xác và khách quan của kết quả nghiên cứu.

3. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

3.1 Xây dựng bộ tiêu chí thẩm định chương trình môn học Giáo dục thể chất

Bộ tiêu chí thẩm định được đề xuất gồm 4 nhóm tiêu chí lớn với 15 tiêu chí thành phần, đảm bảo đánh giá toàn diện tính khoa học, thực tiễn và khả năng triển khai chương trình.

Bảng 1. Bộ tiêu chí thẩm định chương trình môn học GDTC

Nhóm tiêu chí	Tiêu chí thành phần	Nội dung đánh giá
1. Tính khoa học	1.1. Mục tiêu rõ ràng	Phù hợp chuẩn đầu ra, xu hướng GDTC hiện đại
	1.2. Cấu trúc chương trình	Liên thông giữa các học phần, tính hệ thống
	1.3. Tính cập nhật	Mức độ hiện đại của nội dung, tài liệu, phương pháp
2. Tính thực tiễn	2.1. Mức độ phù hợp nhu cầu người học	Đáp ứng nhu cầu rèn luyện, sở thích SV
	2.2. Gắn với yêu cầu nghề nghiệp	Phù hợp chuẩn năng lực nghề GDTC – thể thao
	2.3. Khả năng ứng dụng thực tế	Mức độ áp dụng trong tập luyện – sức khỏe
3. Tính khả thi	3.1. Cơ sở vật chất	Sân bãi, phòng tập, trang thiết bị
	3.2. Đội ngũ giảng viên	Số lượng, trình độ, phân công hợp lý
	3.3. Tổ chức thực hiện	Quản lý lớp học, lịch học, sĩ số
4. Tính hội nhập	4.1. Đối sánh với chương trình trong nước	Mức độ tương đồng với các trường đại học
	4.2. Tiệm cận chương trình quốc tế	So sánh chuẩn năng lực của Mỹ, Hàn, Úc
	4.3. Mức độ tích hợp công nghệ	Ứng dụng AI, phân tích động tác, LMS
	4.4. Khả năng cập nhật định kỳ	Chu kỳ rà soát, cơ chế phản hồi

Qua bảng 1 cho thấy: Bộ tiêu chí này giúp đánh

giá toàn diện chương trình từ góc độ học thuật đến triển khai thực tế, đồng thời tạo cơ sở đề hiệu chỉnh liên tục theo chuẩn hiện đại.

3.2. Kết quả thẩm định nội dung chương trình môn học Giáo dục thể chất tại Đại học Huế nhằm đáp ứng nhu cầu người học.

Căn cứ vào quyết định số 581/QĐ-ĐHH ngày 27/4/2022 của Giám đốc Đại học Huế ban hành quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học và trình độ thạc sĩ tại Đại học Huế.

Căn cứ vào quyết định số 1062/QĐ-ĐHH ngày 12 tháng 8 năm 2019 của Giám đốc Đại học Huế về việc phê duyệt Đề án chương trình môn học GDTC thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học tại Đại học Huế theo nhu cầu, sở thích của SV (mô hình câu lạc bộ).

Căn cứ vào công văn số 92 của GD ĐH Huế ĐHH-ĐTCTSV v/v đồng ý chủ trương phân công các Bộ môn thuộc Khoa GDTC phụ trách quản lý các CTĐTdo Khoa thực hiện; QĐ 768/QĐ-ĐHH của ĐH Huế v/v thành lập Tổ rà soát, điều chỉnh chương trình.

Căn cứ vào biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa Giáo dục thể chất-Đại học Huế nhiệm kỳ 2021-2026 về việc thống nhất tiến hành rà soát, điều chỉnh chương trình môn học (GDTC).

Căn cứ báo cáo đánh giá của các bên liên quan (SV, cựu SV, nhà tuyển dụng, giảng viên) về chương trình môn học GDTC.

Căn cứ ý kiến góp ý của các Bộ môn thuộc Khoa GDTC, ý kiến của các thành viên Tổ rà soát điều chỉnh chương trình và ý kiến góp ý tại Hội nghị tham vấn các bên liên quan về chương trình môn học GDTC.

Căn cứ vào kết quả đối sánh Chương trình môn học GDTC của Đại học Huế với các đơn vị đào tạo khác.

Căn cứ vào biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa Giáo dục thể chất-Đại học Huế nhiệm kỳ 2021-2026 về việc góp ý điều chỉnh chương trình môn học Giáo dục thể chất cho SV Đại học Huế.

Căn cứ vào biên bản họp Hội đồng thẩm định Chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học tại Đại học Huế theo nhu cầu người học.

Căn cứ điều kiện cơ sở vật chất, nguồn nhân lực hiện có tại Đại học Huế.

Bảng 2. Kết quả thẩm định chương trình môn học Giáo dục thể chất của Hội đồng thẩm định (n=7)

TT	Nội dung	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Thành viên đề xuất thông qua ngay chương trình	2/7	28,6%	Không yêu cầu chỉnh sửa lớn
2	Thành viên đề xuất điều chỉnh, bổ sung trước khi thông qua	5/7	71,4%	Đề nghị chỉnh sửa theo góp ý phản biện và ý kiến hội đồng

3	Kết luận của Hội đồng	-	-	Thông nhất điều chỉnh, bổ sung chương trình theo ý kiến phản biện và các thành viên trước khi thông qua
---	-----------------------	---	---	---

Kết quả thẩm định của Hội đồng (Bảng 2) cho thấy sự khác biệt rõ rệt giữa hai nhóm ý kiến. Chỉ có 2/7 thành viên (28,6%) đề xuất thông qua ngay chương trình môn học, cho thấy một bộ phận nhỏ đánh giá chương trình hiện tại đã đáp ứng tương đối tốt mục tiêu đào tạo và yêu cầu thực tiễn, không cần chỉnh sửa lớn. Ngược lại, đa số thành viên (5/7, chiếm 71,4%) cho rằng cần thiết phải điều chỉnh, bổ sung một số nội dung trước khi thông qua. Điều này phản ánh sự quan tâm của hội đồng đối với tính đầy đủ, tính khoa học và tính cập nhật của chương trình sau khi đối chiếu với yêu cầu thực tiễn giảng dạy và nhu cầu của người học.

Tỷ lệ đồng thuận cao về việc cần chỉnh sửa cho thấy chương trình, mặc dù đã được xây dựng dựa trên những cơ sở lý luận và thực tiễn nhất định, vẫn cần bổ sung để hoàn thiện hơn, đặc biệt ở các nội dung được phản biện góp ý. Các đề xuất điều chỉnh chủ yếu tập trung vào việc làm rõ mục tiêu, tăng tính phù hợp của các học phần, điều chỉnh khối lượng nội dung, cũng như cập nhật những yêu cầu mới của chương trình giáo dục thể chất theo định hướng phát triển năng lực.

Trên cơ sở tổng hợp ý kiến, Hội đồng thống nhất việc điều chỉnh, bổ sung chương trình trước khi phê duyệt chính thức. Điều này thể hiện sự đồng thuận cao trong việc đảm bảo chất lượng chương trình, hướng đến đáp ứng tốt hơn nhu cầu người học và yêu cầu đào tạo tại Đại học Huế.

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu đã xây dựng được quy trình thẩm định chương trình môn học Giáo dục Thể chất có cơ sở khoa học và tính khả thi cao, gồm bốn bước: rà soát chương trình, thu thập ý kiến đa chiều, tổ chức hội đồng thẩm định và hoàn thiện chương trình trước khi ban hành. Quy trình này được thiết kế phù hợp với đặc thù đào tạo tại Đại học Huế, đồng thời có thể vận dụng cho các cơ sở giáo dục đại học khác.

Bộ 15 tiêu chí thẩm định thuộc 4 nhóm tiêu chí lớn (tính khoa học, tính thực tiễn, tính khả thi và tính hội nhập) đã góp phần định hướng rõ ràng cho công tác đánh giá chương trình môn học GDTC. Các tiêu chí này được xây dựng từ phân tích tài liệu, phỏng vấn chuyên gia và yêu cầu chuẩn đầu ra, do đó đảm bảo quát được các yếu tố cốt lõi của chương trình đào tạo theo tiếp cận năng lực.

Kết quả thẩm định của Hội đồng cho thấy sự thống nhất cao về việc cần điều chỉnh và bổ sung chương trình trước khi thông qua. Với 71,4% thành viên đề nghị chỉnh sửa, Hội đồng khẳng định rằng chương trình cần được hoàn thiện về tính cập nhật

nội dung, cân đối giữa lý thuyết – thực hành và mức độ liên thông giữa các học phần. Điều này phản ánh sự cần thiết của quá trình cải tiến chương trình nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu người học và yêu cầu thực tiễn của lĩnh vực Giáo dục Thể chất hiện nay.

Những điều chỉnh được đề xuất không chỉ giúp nâng cao tính khoa học và tính thực tiễn của chương trình mà còn tăng cường khả năng hội nhập với xu hướng đào tạo GDTC trong nước và quốc tế. Qua đó, chương trình môn học GDTC tại Đại học Huế trở nên hoàn thiện hơn, góp phần quan trọng trong đào tạo nguồn nhân lực thể chất chất lượng cao cho khu vực miền Trung và cả nước.

Từ kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả kiến nghị duy trì quy trình thẩm định định kỳ, tăng cường cơ chế phản hồi từ SV và giảng viên, đồng thời ứng dụng công nghệ số trong quản lý và đánh giá chương trình. Đây là những giải pháp thiết thực nhằm bảo đảm chương trình luôn được cập nhật, phù hợp và đáp ứng hiệu quả nhu cầu người học trong bối cảnh đổi mới giáo dục đại học.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), *Thông tư số 25/2015/TT-BGDĐT*, ngày 14/10/2015, Quy định về chương trình GDTC thuộc các chương trình đào tạo.

2. Hướng dẫn số 904/ĐH, ngày 17/02/1994 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về “*việc thực hiện chương trình giáo dục thể chất trong các trường Đại học và Cao đẳng theo quy định đào tạo mới*”.

3. Kế hoạch 398/KH-BGDĐT ngày 09/5/2019 về việc thực hiện Kết luận của Bộ trưởng tại hội nghị “*Nâng cao chất lượng giáo dục thể chất và thể thao trường học trong ngành Giáo dục*”.

4. Phan Thanh Mỹ (2006), Nghiên cứu hiệu quả môn thể thao tự chọn thích hợp đối với sự phát triển thể chất của nữ SV trường Đại học khoa học xã hội và nhân văn - Thành phố Hồ Chí Minh, Luận văn Thạc sĩ Giáo dục, TP. Hồ Chí Minh.

5. Thủ tướng Chính phủ ban hành (2015), nghị định 11/2015/NĐ-CP, ngày 31 tháng 01 năm 2015, “*Chương trình giáo dục thể chất và hoạt động thể dục thể thao trong nhà trường*”.

6. Nguyễn Thị Thu (2018), “*Cải tiến chương trình giáo dục thể chất cho SV Đại học Quốc gia Hà Nội*” Luận án tiến sĩ giáo dục học, Viện Khoa học Thể dục thể thao.

7. Cobb, C. W.; Douglas, P. H. (1928). “A Theory of Production”. *American Economic Review*. 18 (Supplement): 139-165. JSTOR 1811556. Retrieved 26 September 2016.

9. Edward F. Crawly, Johan Malmqvist, William A. Lucas, Doris R. Brodeur (2011), The “CDIO” syllabus v2.0: An Updated Statement of Goals for Engineering Education, The 7th Intl. “CDIO” Conf., Copenhagen, Denmark.

Phó Tổng biên tập phụ trách

PGS. TS. LÊ PHƯỚC MINH

Hội đồng biên tập

GS. TS. VŨ DŨNG

GS. TS. NGUYỄN THỊ MỸ LỘC

GS. TS. PHẠM HỒNG QUANG

GS. TS. THÁI VĂN THÀNH

GS. TS. NGUYỄN THỊ HOÀNG YẾN

Mr. DANNY GAUCH - HH TBGD THẾ GIỚI

PGS. TS. LÊ PHƯỚC MINH

PGS. TS. PHẠM VĂN SƠN

PGS. TS. NGUYỄN XUÂN THỨC

PGS. TS. Đại tá MAI VĂN HÓA

PGS. TS. DƯƠNG THỊ HOÀNG YẾN

PGS. TS. NGUYỄN VĂN ĐỆ

PGS. TS. BÙI VĂN HỒNG

PGS. TS. THÁI THẾ HÙNG

PGS. TS. LÊ VĂN GIÁO

PGS. TS. PHẠM VĂN THUẦN

PGS. TS. NGUYỄN MẠNH HƯỜNG

PGS. TS. TRẦN THỊ MINH HẰNG

PGS. TS. NGUYỄN NHƯ AN

PGS. TS. NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN

PGS. TS. LÊ HIẾU HỌC

PGS. TS. BÙI VĂN HÙNG

TS. BÙI ĐỨC TỬ

TS. THÁI VĂN LONG

Tòa soạn

P 47, nhà A1, số 68 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024.36658762; Tel/zalo: 0988775566

Email: tapchitbgd@gmail.com.vn

Website: <https://vjol.info.vn/index.php/tctbgd>

Tài khoản: 0101613475555

Ngân hàng TMCP Quân đội,

chi nhánh Thăng Long Hà Nội

Giấy phép xuất bản:

Số 21/GP-BVHTTDL Ngày 21/04/2025

của Bộ Văn hóa Thể thao và du lịch

Thiết kế và Chế bản:

Đoàn Ngoan

In tại Công ty TNHH In - Thương mại

và Dịch vụ Nguyễn Lâm

Giá: 120.000đ (Một trăm hai mươi nghìn đồng)

MỤC LỤC

- ◆ Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Nga, Tống Thị Lan, Trần Thu Hà, Nguyễn Thị Trang: Nghiên cứu, thiết kế chế tạo bộ Khuếch đại cao tần tạp âm thấp tần số 2.55 – 2.8 GHz trong hệ thống Radar dự báo thời tiết
- ◆ Đặng Gia Dũng, Nguyễn Thúy May, Nguyễn Thanh Phong, Đàm Đức Cường, Nguyễn Thị Bảo Thư: Thiết kế và phát triển mô hình xe cân bằng hai bánh ứng dụng thuật Toán bầy sứa cải tiến (ISSA) phục vụ đào tạo trong lĩnh vực công nghệ và kỹ thuật
- ◆ Trần Minh Thắng: Thiết kế Mô hình học Sâu lai trong dự báo thời tiết nội mùa theo khu vực địa lý
- ◆ Nguyễn Thị Nga, Đào Thị Mơ, Đàm Đức Cường, Tống Thị Lan, Nguyễn Thị Thu Hà: Thiết kế, chế tạo mô hình cánh tay Robot 4 bậc điều khiển sử dụng Esp32
- ◆ Đoàn Trí Thơ: Thiết kế và sử dụng bộ công cụ đánh giá thường xuyên nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề Toán học cho học sinh lớp 2 qua dạy học nội dung “Số và phép tính”
- ◆ Lê Kim Anh, Dương Quốc Hiệu, Nguyễn Hoàng Viên: Thiết kế và chế tạo mô hình hệ thống tự động điều hướng cho nguồn pin mặt trời
- ◆ Nguyễn Lan Phương, Nguyễn Duy Tuệ, Thái Quang Thịnh, Nguyễn Tiến Lực, Nguyễn Trần Thành Lâm: Nghiên cứu sử dụng thấu kính Fresnel và Collector chân không trong chưng cất nước mặn quy mô nhỏ
- ◆ Phạm Thị Thanh Bình, Vũ Thị Thu Hiền: Ứng dụng công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo vào đổi mới phương pháp giảng dạy ở bậc Đại học
- ◆ Nguyễn Thị Lan Anh: Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) nâng cao hiệu quả công việc của giảng viên Khoa Công nghệ thông tin Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh
- ◆ Phạm Thị Đào: Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong hướng dẫn nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và dạy học tại Khoa Công nghệ thông tin Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh
- ◆ Nông Đức Phúc: Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong hỗ trợ giảng dạy các môn Giáo dục thể chất ở trường đại học, cao đẳng
- ◆ Hoàng Quốc Dũng: Ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng Video bài giảng, áp dụng với chủ đề “Quy luật địa đới”
- ◆ Đặng Thu Thảo, Đỗ Thị Phương Thảo: Ứng dụng trí tuệ nhân tạo xây dựng hệ thống bài tập phân bậc trong tổ chức dạy học phân hoá chủ đề “Hình học và Đo lường” cho học sinh lớp 5
- ◆ Bùi Thị Thường, Phạm Thị Thu Hiền: Thiết kế quy trình dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1 bằng phương pháp quan sát nhằm phát huy tính tích cực của học sinh
- ◆ Đỗ Thị Phương Thảo, Quẫn Thị Lan Anh: Dạy học “số và phép tính” (toán 2) với sự hỗ trợ của trí tuệ nhân tạo (AI)
- ◆ Nguyễn Thị Thanh Hiền, Đỗ Thị Phương Thảo: Thiết kế hệ thống bài tập trong nội dung dạy học “Phân số” (Toán 4) theo hướng phát triển năng lực đáp ứng Chương trình GDPT 2018
- ◆ Phạm Thị Kim Châu, Nguyễn Minh Trí: Dạy học hợp tác nội dung Số và phép tính trong môn Toán lớp 3
- ◆ Ngô Thị Lê: Xây dựng bài học mô phỏng tương tác với Matlab/Simulink để nâng cao chất lượng giảng dạy kỹ thuật đo lường
- ◆ Nguyễn Thị Quỳnh Hoa, Trần Nguyễn Bảo Ninh: Thiết kế hệ thống Web giám sát thời gian thực cho trạm 110 KV ứng dụng trong đào tạo kỹ sư điện
- ◆ Đặng Văn Phúc, Nguyễn Thị Nhạn: Phát triển năng lực lập luận cho học sinh lớp 2 trong dạy học Số và phép tính – thông qua nhận xét, đánh giá sản phẩm học tập của bạn hoặc nhóm bạn
- ◆ Lê Thị Ánh Tuyết, Lê Duy Cường: Thiết kế hoạt động trải nghiệm dạy học nội dung Số và phép tính cho học sinh lớp 4
- ◆ Nguyễn Thị Kim Cúc: Bồi dưỡng năng lực vận dụng Toán học vào thực tiễn cho học sinh lớp 7 thông qua dạy học chủ đề “Các hình khối trong thực tiễn”
- ◆ Phan Minh Nguyệt, Lê Duy Cường: Thiết kế tình huống dạy học nội dung Số và phép tính phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học cho học sinh lớp 3
- ◆ Trương Ngọc Anh Thư, Lê Minh Cường: Phát triển năng lực tư duy và lập luận Toán học cho học sinh thông qua dạy học chủ đề Hệ tứ giác lớp 8

- ◆ **Trần Quốc Dũng:** Phát triển năng lực giải quyết vấn đề Toán học cho học sinh thông qua dạy học chủ đề Xác suất có điều kiện lớp 12 qua tình huống thực tiễn
- ◆ **Lê Thị Hồng Dung:** Ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ giảng viên trong giảng dạy học phần Giải tích ở các trường đại học
- ◆ **Trần Thị Thanh:** Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) tạo sản phẩm đa phương tiện hỗ trợ dạy học
- ◆ **Phạm Huy Bằng:** Hướng dẫn ứng dụng Chatbot AI trong học tập tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh
- ◆ **Trần Thị Bích Lan, Trần Minh Vương, Tống Kim Anh Dũng:** Phân tích hiệu năng của mô hình ẩn Markov hỗn hợp Gauss trong hệ thống xác thực định danh người nói
- ◆ **Nguyễn Thị Huyền Thư:** Tính ổn định Mittag-leffler cho một lớp hệ phân thứ phi tuyến có nhân suy giảm
- ◆ **Nguyễn Chương Đạo, Lưu Thủy Chung, Trần Văn Giang:** Ảnh hưởng của vận tốc cắt và chiều sâu cắt đến độ nhám bề mặt khi phay bánh răng trụ răng nghiêng trên máy phay vạn năng FVH260S
- ◆ **Nguyễn Đình Thư:** Giải pháp công nghệ và tiềm năng thương mại hóa: phát triển hệ thống IoT cho nông nghiệp thông minh tại Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh
- ◆ **Lê Văn Đăng:** Giải pháp IOT thông minh cho giám sát và cảnh báo sự cố tấm pin năng lượng mặt trời
- ◆ **Ngô Ngọc Sơn:** Ảnh hưởng của góc nghiêng điện cực hàn Mag đến cấu trúc hình học và cơ tính mối hàn thép Cacbon thấp ở tư thế 1G
- ◆ **Trần Thị Vân Anh:** Áp dụng chuyển đổi số trong giảng dạy cho sinh viên Khoa Điện - Điện tử
- ◆ **Bùi Đức Cường, Phạm Thị Thanh Hải, Sứ Ngọc Anh:** Chuyển đổi số trong giáo dục đại học: tổng quan nghiên cứu và khoảng trống lý luận cho khối các trường thuộc lực lượng vũ trang
- ◆ **Nguyễn Đức Đông:** Chuyển đổi số giáo dục Việt Nam hiện nay: thách thức và giải pháp
- ◆ **Trần Thị Mỹ Thanh:** Ứng dụng công nghệ quét mã QR trong quản lý học sinh, sinh viên ăn, ở nội trú tại Trường Cao đẳng Điện Biên
- ◆ **Nguyễn Thanh Nga, Lê Thị Bích Thảo:** Phát triển năng lực giải quyết vấn đề của học sinh trong dạy học nội dung “Điện” - Khoa học tự nhiên 8 theo giáo dục STEAM
- ◆ **Lê Thị Hoà:** Hiệu quả của Lớp học đảo ngược so với lớp học truyền thống: nghiên cứu hành động trong học phần Phương pháp giảng dạy tiếng Anh tại Đại học Đại Nam
- ◆ **Đào Thị Phương Lan:** Phát triển năng lực tư duy phản biện qua vận dụng học thuyết kiến tạo trong dạy học Lịch sử bậc phổ thông
- ◆ **Nguyễn Thị Lệ Hằng; Trương Kiều Phương:** Một số biện pháp nâng cao khả năng sử dụng trí tuệ nhân tạo vào việc học tiếng Anh cho sinh viên Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc
- ◆ **Đinh Văn Trí, Nguyễn Thị Thanh Trúc, Hà Thái Thủy Lê:** Ehangcing English prompt writing skills for ai-based learning and creative thinking development in physics Education
- ◆ **Do Minh Phương:** The application of smart education in chinese language teaching in Vietnam: implementation models and practical value
- ◆ **Nguyễn Thị Hòa, Võ Phú Thịnh, Huỳnh Nghĩa Trung, Lê Văn Trần , Nguyễn Ngọc Vân Anh:** Quantitative survey on the level and impact of chatgpt use on high school students in Cantho city
- ◆ **Van Khanh Doan, Cong Han Le, Quang Viet Ho:** Autonomous Solar-Powered Vehicle: An Experimental Platform for Learning Robotics and Renewable Energy
- ◆ **Giang Trúc Mai:** English grammar for esp students at huit
- ◆ **Lê Thị Thu Huyền:** First-year uet (vnu) students' difficulties in writing informal letters (vstep writing task 1) and pedagogical suggestions
- ◆ **Hoang Thị Thu Hương:** Application of active teaching methods in the course of Vietnamese ethnic culture and music at Universities
- ◆ **Nguyen Thi Loan:** Enhancing students' self-learning ability in English through digital platforms in an open learning ecosystem
- ◆ **Vũ Phương Lan:** Phát triển kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên thông qua hoạt động lồng tiếng phim - ứng dụng trong môn Tiếng Anh B1 lms tại Đại học Quốc gia Hà Nội
- ◆ **Khắc Thị Ánh Tuyết:** Sử dụng các sơ đồ tổ chức thông tin để hỗ trợ kỹ năng đọc hiểu trong lớp học tiếng Anh
- ◆ **Nguyễn Lam Vân Anh, Nguyễn Trần Huỳnh Mai, Trần Nguyễn Bảo Thư, Mai Thị Mỹ Hương, Lý Kim Hoàng:** Khảo sát quan điểm về mức độ đạt chuẩn đầu ra của sinh viên tiếng Anh khi học các học phần Pháp văn căn bản tại Đại học Cần Thơ
- ◆ **Nguyễn Thị Hải Yến:** Phân tích lược bỏ Tiểu từ trong tiếng Hàn sơ cấp: so sánh văn nói - văn viết và ứng dụng sư phạm dựa trên giáo trình Get it korean 2
- ◆ **Đỗ Thị Thu Hiền, Nguyễn Thu Giang:** Đối chiếu đặc điểm tu từ Hán - Việt hiện đại: cơ sở cho việc nâng cao chất lượng đào tạo tiếng Hán tại Việt Nam
- ◆ **Nguyễn Thị Thanh Ngọc:** Khảo sát những biện pháp áp dụng công nghệ tạo hứng thú học ngoại ngữ cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Trường Đại học Hà Nội
- ◆ **Vũ Thanh Thủy:** Triển khai biện pháp giảng dạy và học tập kỹ năng nghe - nói - đọc - viết trong lớp học trực tuyến

- ◆ **Lê Hồng Vân:** Cách tiếp nhận lời khen trong tiếng Nhật
- ◆ **Phạm Thu Hà:** Các cấu trúc ngôn ngữ và cách phát triển ý theo mô hình Peel trong đoạn văn về bất lợi
- ◆ **Lê Huy Hà:** Đánh giá thực trạng vấn nạn bạo lực học đường của học sinh các trường trung học cơ sở TP Tam Kỳ tỉnh Quảng Nam
- ◆ **Lê Thị Thảo:** Giáo dục kỹ năng cảm xúc xã hội cho trẻ 5-6 tuổi: nghiên cứu trường hợp tại các trường mầm non phường Tây Hồ, TP. Hà Nội
- ◆ **Nguyễn Song Tuấn Hải:** Đổi mới phương pháp dạy học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên
- ◆ **Nguyễn Thị Mai Hương:** Hướng dẫn sinh viên ngành Giáo dục mầm non Trường Cao đẳng sư phạm Hoà Bình tìm hiểu về tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Mường thông qua học phần Cơ sở văn hoá Việt Nam
- ◆ **Nguyễn Thị Thu Phương:** Thực trạng nhận thức của giáo viên mầm non ngoài công lập về giáo dục STEAM: nghiên cứu tại các trường mầm non ngoài công lập, phường Phương Liệt, TP Hà Nội
- ◆ **Phạm Thị Thuỳ Trang:** Phát triển kỹ năng nghiên cứu khoa học cho sinh viên khối ngành Kỹ thuật Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum
- ◆ **Phạm Thị Thuật, Đinh Thị Vân; Đặng Thị Thu Phương:** Tổ chức hoạt động bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục ở các nhà trường quân đội hiện nay
- ◆ **Trương Hoàng Hoa Duyên:** Nghiên cứu lợi ích khi tham gia các hoạt động tình nguyện của học sinh, sinh viên - trường hợp các trường trung học phổ thông và trường đại học tại TP Đà Nẵng
- ◆ **Vũ Thúy Hoàn, Phạm Thị Dự:** Giáo dục cảm xúc cho học sinh tiểu học thông qua hoạt động trải nghiệm: Góc nhìn từ nghiên cứu quốc tế và bài học cho Việt Nam
- ◆ **Trần Xuân Ngọc:** Vận dụng phương pháp thực hành trong hướng dẫn sinh viên Trường Cao đẳng Điện Biên về điện dân dụng
- ◆ **Mai Thị Thủy:** Lựa chọn bài tập thể lực cho nam sinh viên Khóa 13 Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội
- ◆ **Phạm Như Cương:** Đánh giá hiệu quả một số bài tập phát triển sức bền trong chạy cự ly trung bình cho nam học viên lớp Trình sát cảnh sát Khóa K31S Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II
- ◆ **Trịnh Xuân Hồng, Nguyễn Đăng Hào, Trần Thanh Tú, Trần Thị Thuỳ Linh, Nguyễn Thị Quỳnh Nga:** Đánh giá hiệu quả các giải pháp tổ chức hoạt động đội bóng đá nam sinh viên Đại học Huế theo mô hình Câu lạc bộ
- ◆ **Phạm Thị Mai, Nguyễn Đăng Hào, Đỗ Văn Tùng, Nguyễn Thị Quỳnh Nga:** Đề xuất quy trình thẩm định chương trình môn học Giáo dục thể chất và kết quả thẩm định tại Đại học Huế nhằm đáp ứng nhu cầu người học
- ◆ **Trần Xuân Ngọc:** Vận dụng phương pháp thực hành trong hướng dẫn sinh viên Trường Cao đẳng Điện Biên về điện dân dụng
- ◆ **Phan Huỳnh Như Ngọc:** Thực trạng văn hóa học đường tại các trường THCS xã Cù Chi, TP Hồ Chí Minh
- ◆ **Nguyễn Thị Nhàn:** Tổng quan các công cụ đánh giá năng lực đọc và viết cho trẻ em: bối cảnh quốc tế và thực tiễn tại Việt Nam
- ◆ **Trương Mỹ Hạnh Trinh, Lý Bình Nhung:** Quốc tế hóa giáo dục đại học: phân tích một số mô hình và gợi ý vận dụng cho các trường đại học Việt Nam
- ◆ **Trần Hữu Nam, Nguyễn Văn Cường:** Đánh giá thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến việc phát triển phong trào Pickleball ở Đại học Huế
- ◆ **Trịnh Văn Quy:** Hợp tác phi truyền thống trong phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam
- ◆ **Nguyễn Văn Hòa:** Những vấn đề cơ bản về tư vấn học đường hiện nay ở bậc phổ thông
- ◆ **Nguyễn Phan Tiến Trung, Nguyễn Đăng Hào, Nguyễn Đôn Công Uy, Nguyễn Khắc Trung, Nguyễn Thanh Bình:** Nghiên cứu xây dựng và đánh giá hiệu quả chương trình huấn luyện của câu lạc bộ Bóng rổ tại Khoa Giáo dục thể chất - Đại học Huế
- ◆ **Hà Văn Trung:** Nâng cao chất lượng đào tạo múa dân gian các dân tộc Mông, Dao, Khơ mú tại tỉnh Lào Cai hiện nay
- ◆ **Mai Duy Thuận:** Các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu tư vấn hướng nghiệp của hạ sĩ quan, binh sĩ ở sư đoàn 312, quân đoàn 12
- ◆ **Nguyễn Tuấn Kiệt, Nguyễn Linh Phong:** Giáo dục tinh thần yêu nước cho học sinh THPT trong môn Giáo dục quốc phòng và An ninh qua hình thức tham quan trực tuyến
- ◆ **Nguyễn Thị Thanh:** Tương tác ảo thiết kế bảo tàng trong đào tạo ngành Du lịch
- ◆ **Nguyễn Văn Phú:** Các yếu tố ảnh hưởng tới kỹ năng thực hành bay của học viên ở Trường Sĩ quan không quân
- ◆ **Phạm Duy Hải, Lê Mạnh Linh, Phạm Ngọc Tú, Nguyễn Thị Huyền:** Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá kết quả học tập môn chuyên sâu Bóng rổ học phần I và II cho sinh viên ngành Huấn luyện thể thao Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội
- ◆ **Trần Thu Hằng:** Khai thác hiệu quả các nguồn tài nguyên số nhằm nâng cao khả năng phát âm cho sinh viên ngoại ngữ
- ◆ **Tô Toàn, Cao Nguyễn Quang Huy, Vương Đình Lâm:** Tư tưởng Hồ Chí Minh về kết hợp giáo dục pháp luật với giáo dục đạo đức cho thanh niên
- ◆ **Kiều Thị Thu Chung:** Từ góc nhìn tư tưởng Đại tướng Võ Nguyên Giáp đến việc xây dựng văn hóa trách nhiệm cho thanh niên Việt Nam hiện nay

- ◆ **Nguyễn Thị Kim Thái, Trần Thị Thu Hà, Lê Thị Phương, Trương Bùi Thùy Dương:** Biện pháp tổ chức hoạt động tạo hình nhằm phát triển khả năng hợp tác cho trẻ mẫu giáo 3 - 4 tuổi
- ◆ **Võ Đình Ngà:** Giải pháp nâng cao hiệu quả truyền thông thị giác về môi trường cho sinh viên ngành Thiết kế đồ họa tại Việt Nam
- ◆ **Trần Văn Tùng:** Một số giải pháp chủ yếu nâng cao chất lượng học tập các môn quân sự chung trong chương trình Giáo dục quốc phòng và An ninh cho sinh viên Trường Đại học Thủ đô Hà Nội
- ◆ **Nguyễn Thu Trang, Nguyễn Tùng Lâm:** Nghiên cứu lựa chọn một số bài tập hỗ trợ nhằm nâng cao năng lực mềm dẻo cho nữ học sinh đội tuyển thể dục Aerobic trường THPT kỹ thuật Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
- ◆ **Trần Thanh Hoài:** Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động học tập môn Giáo dục thể chất của sinh viên Trường Đại học Điện lực
- ◆ **Lê Thị Khánh Linh, Lê Thị Nhung:** Phân tích nhu cầu cho học phần tiếng Anh chuyên ngành Logistics: góc nhìn từ nhà tuyển dụng
- ◆ **Lê Thị Quỳnh Thương:** Tối ưu hoá thuật toán
- ◆ **Lý Thị Quỳnh Anh:** Phát triển kỹ năng sư phạm cho sinh viên ngành Văn học thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo môn Ngữ văn
- ◆ **Nguyễn Thị Hồng Thơm, Trần Thị Thủy, Ngô Thị Hoa:** Phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh
- ◆ **Nguyễn Thị Lan Quyên, Nguyễn Thái Dư:** Một số giải pháp nâng cao kỹ năng thuyết trình cho sinh viên Trường Đại học An Giang
- ◆ **Nguyễn Thị Tâm:** Kinh nghiệm quốc tế về trọng tài thương mại trong bối cảnh hội nhập kinh tế và bài học cho Việt Nam
- ◆ **Bùi Phương Thúy, Nguyễn Văn Thuận, Cam Thành Chương:** Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học tại các trường đại học và cao đẳng - thực trạng và giải pháp
- ◆ **Trần Thị Hòa, Nguyễn Thị Thu Hương:** Đánh giá thực trạng và đề xuất nâng cao chất lượng dịch vụ quản lý tòa nhà CT4 Văn Khê, phường Hà Đông, TP Hà Nội phục vụ cho giảng dạy sinh viên ngành Bất động sản
- ◆ **Đinh Thị Kim Loan:** Đặc điểm thời gian tham gia thể thao ngoại khóa và thể lực của nữ sinh viên Trường Đại học An Giang - Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh
- ◆ **Nguyễn Đăng Khoa, Cao Việt Bắc:** Giải pháp nâng cao thể lực chung cho nữ sinh viên Trường Cao đẳng Thái Nguyên
- ◆ **Nguyễn Tuấn Anh, Đỗ Thị Thu Hiền:** Đánh giá thực trạng kỹ năng làm việc nhóm cho sinh viên Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng
- ◆ **Tăng Thị Thanh Nhân, Nguyễn Thị Thu Hương:** Đánh giá thực trạng công tác đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn xã Dương Hoà, TP Hà Nội phục vụ công tác giảng dạy chuyên ngành Quản lý đất đai
- ◆ **Nguyễn Thành Long:** Tối ưu hóa hiệu suất hệ thống gợi ý động trong môi trường dữ liệu lớn bằng học tăng cường và kỹ thuật giảm chiều sâu
- ◆ **Phạm Thanh Phú, Ngô Xuân Sơn:** Định hướng và giải pháp phát huy vai trò khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh trong giai đoạn mới
- ◆ **Lý Thị Quỳnh Anh:** Phát triển kỹ năng sư phạm cho sinh viên ngành Văn học thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo môn Ngữ văn
- ◆ **Trang Quang Vinh, Nguyễn Thị Phương Linh, Đỗ Văn Hùng, Châu Thành Sang, Nguyễn Thị Kim Quế, Võ Phú Hữu:** “Giải mã” các trào lưu tư tưởng hậu hiện đại và chủ nghĩa tự do mới tác động và định hướng phản biện đối với giảng dạy Lý luận chính trị và đội ngũ trí thức tại Việt Nam hiện nay
- ◆ **Đinh Thị Chinh, Võ Phú Hữu:** Giá trị văn hóa trong tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới và ý nghĩa đối với giáo dục nhân cách thanh niên hiện nay
- ◆ **Trình Sơn Tùng:** Thực trạng quản lý dạy học môn Toán lớp 8 ở các trường trung học cơ sở huyện Thanh Trì, TP Hà Nội theo yêu cầu thực hiện chương trình GDPT 2018
- ◆ **Đinh Thị Phương Anh:** Thực trạng quản lý giáo dục STEM ở các trường THCS phường Bạch Mai, TP Hà Nội
- ◆ **Phan Thị Thanh Tuyền, Lưu Nguyễn Quốc Hưng:** Thực trạng phát triển đội ngũ giáo viên ở các trường trung học cơ sở tại các phường Ninh Kiều, Tân An, Cái Khế TP Cần Thơ
- ◆ **Võ Ngọc Thảo:** Quản lý hoạt động dạy học bài thơ “Tràng giang” lớp 12 trung học phổ thông theo mô hình lớp học đảo ngược
- ◆ **Huỳnh Mộng Tuyền, Lê Thị Quý:** Thực trạng quản lý hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở các trường tiểu học phường Tam Long, TP Hồ Chí Minh
- ◆ **Đỗ Xuân Linh:** Biện pháp quản lý hoạt động bồi dưỡng năng lực chuyên đổi số cho giáo viên các trường trung học phổ thông tại phường Sài Gòn và phường Bến Thành, TP Hồ Chí Minh
- ◆ **Trần Thị Kim Xuyên:** Phát huy vai trò của hiệu trưởng trường THCS trong quản lý và khai thác hiệu quả thiết bị dạy học số - từ thực tiễn của phường Lê Chân, TP Hải Phòng